

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
...oOo...

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 04-SB/MCM/2026**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm.**

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.**

Địa chỉ: Số 912 đường Thảo Nguyên, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Điện thoại: 02123. 866065.

Email: Mocchaumilk@mcmilk.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 5500154060

Số giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn FSSC 22000: VN013224-3 do Công ty TNHH Bureau Veritas Certification Holding SAS, chi nhánh UK chứng nhận và cấp ngày 24/02/2026.

**II. Thông tin về sản phẩm.**

1. **Tên sản phẩm:** Sữa bánh đặc sản matcha Mộc Châu.

2. **Thành phần:** Đường, sữa tươi cô đặc (32%), bột kem thực vật (xirô glucoza, dầu cọ, natri caseinat, chất ổn định (340(ii), 452(i), 471, 472 (e)), chất chống đông vón (551), muối, chất tạo màu tổng hợp (160a(i))), bột matcha (1,0%), hương liệu (hương trà xanh) tổng hợp dùng cho thực phẩm, lactoza.

**Thông tin cảnh báo:** Có chứa sữa, gluten, đậu nành.

3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

Hạn sử dụng: Xem trên bao bì.

Ngày sản xuất: 90 ngày trước hạn sử dụng (Không bao gồm ngày sản xuất).

4. **Quy cách đóng gói và chất lượng bao bì.**

- Quy cách đóng gói: 180 g/hộp.

- Chất liệu bao bì: Màng nhựa phức hợp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm.**

- Sản xuất tại Việt Nam bởi Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.

- Địa chỉ cơ sở sản xuất: Xưởng chế biến sữa thanh trùng – nhà máy sữa Mộc Châu – Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu - tổ dân phố 19/5, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).



#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Theo quy định của văn bản kỹ thuật: QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

| STT | Tên chỉ tiêu                           | Đơn vị | Giới hạn tối đa |
|-----|----------------------------------------|--------|-----------------|
| 1   | Enterobacteriaceae                     | CFU/g  | < 1             |
| 2   | L. monocytogenes                       | CFU/g  | ≤ 100           |
| 3   | Salmonella                             | /25g   | Không phát hiện |
| 4   | Staphylococcal Enterotoxins            | /25g   | Không phát hiện |
| 5   | Staphylococci dương tính với coagulase | CFU/g  | ≤ 100           |

- Theo quy định của văn bản kỹ thuật: QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Giới hạn tối đa |
|-----|--------------|--------|-----------------|
| 1   | Chì          | mg/kg  | 0,02            |
| 2   | Arsen        | mg/kg  | 0,5             |
| 3   | Cadmi        | mg/kg  | 1,0             |
| 4   | Thủy ngân    | mg/kg  | 0,05            |

- Theo quy định của văn bản kỹ thuật: QCVN 8-1:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Giới hạn tối đa |
|-----|--------------|--------|-----------------|
| 1   | Aflatoxin M1 | µg/kg  | 0,5             |

- Thông tư số 24/2013/TT-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

| STT | Tên chỉ tiêu                               | Đơn vị | Giới hạn tối đa |
|-----|--------------------------------------------|--------|-----------------|
| 1   | Benzylpenicilin/Procaïn benzylpenicilin    | µg/kg  | 4               |
| 2   | Clortetracyclin/Oxytetracyclin/Tetracyclin | µg/kg  | 100             |
| 3   | Dihydrostreptomycin/Streptomycin           | µg/kg  | 200             |
| 4   | Gentamicin                                 | µg/kg  | 200             |
| 5   | Spiramycin                                 | µg/kg  | 200             |

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

| STT | Tên chỉ tiêu       | Đơn vị | Giới hạn tối đa |
|-----|--------------------|--------|-----------------|
| 1   | Endosulfan         | mg/kg  | 0,01            |
| 2   | Aldrin và dieldrin | mg/kg  | 0,006           |

54060  
IG TY  
CP  
G BÒ SĨ  
C CHÂ  
GUYỄN

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Giới hạn tối đa |
|-----|--------------|--------|-----------------|
| 3   | Cyfluthrin   | mg/kg  | 0,04            |
| 4   | DDT          | mg/kg  | 0,02            |

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 04:2026/SB-MCM.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thảo Nguyên, ngày 07 tháng 7 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Phạm Hải Nam*



# NỘI DUNG NHÃN SẢN PHẨM



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Phạm Hải Nam*